

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CÀ MAU ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 7 - 2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Huỳnh Minh Bền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Đ, Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp C, Xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Công Đ1, Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp C, Xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Đ trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Công Đ1 tự nguyện chung sống vào năm 2010, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2014, quyển 01/2014 ngày 16/7/2014. Trong thời gian chung sống, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau cách nay khoảng 06 tháng. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ1.

- Con chung: Bà và ông Đ1 có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 06/5/2014, hiện đang sống với bà và ông Đ1. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông Đ1.

- Tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Công Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông Đ1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Đ1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Công Đ1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông Đ1 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Đ1.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Công Đ1. Bà Đ và ông Đ1 chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Đ cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa, bà Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, bà Đ và ông Đ1 xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với ông Đ1 không có ý kiến, nên không xem xét giải quyết. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc ly hôn với ông Đ1.

[3] Con chung: Bà Đ và ông Đ1 có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 06/5/2014, hiện đang sống với bà Đ và ông Đ1. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Th và cháu Tr đang sống ổn định cùng bà Đ và bà Đ cũng trực tiếp chăm sóc các cháu. Đồng thời, hai cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Ông Đ1 không có ý kiến, nên không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cháu Th và cháu Tr cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Bà Đ xác định tự thỏa thuận, ông Đ1 không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà Đ xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ, về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công Đ1.

Con chung: Giao Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Bích Tr, sinh ngày 06/5/2014, hiện đang sống với bà Đ và ông Đ1 cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Ngày 03/5/2024, bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0008558, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân